

HA - Đo HA

- **P.túi**: AS túi khí
- **P.max**: AS thủy tĩnh max (**T.thu**)
- **P.min**: AS thủy tĩnh min (**T.trương**)

Note: chỉ số AS trên khí áp kế thực chất là P.túi - P.khí quyển

P.túi > P.max > P.min

- **ĐM**: bị ép chặt
- **Máu**: không chảy được
- **Nghe**: không thấy gì

--mở van, xả bớt khí trong túi--

P.max > P.túi > P.min

- **ĐM**: được hé ra, lúc đóng lúc mở
- **Máu**: chảy mạnh, xoáy qua khe hẹp, ngắt quãng
- **Nghe**: thấy
- P.túi đo được khi bắt đầu nghe thấy = **P.max**

--tiếp tục xả khí--

P.max > P.min > P.túi

- **ĐM**: mở hết cỡ
- **Máu**: chảy thành lớp, liên tục
- **Nghe**: không thấy nữa
- P.túi đo được khi bắt đầu không nghe thấy = **P.min**

120/80 thực chất là AS gì?

- **Tâm thu**:
 - **P.blood** = 880 mmHg
 - Mạch: dẫn ra
 - **P.elastic** = 120 mmHg
- **Tâm trương**
 - **P.blood** = 840 mmHg
 - Mạch: co lại
 - **P.elastic** = 80 mmHg

